

Phụ lục 03: THUYẾT MINH CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Tên đường sửa	VT1	VT2	VT3	VT4	Ghi chú
I	Đường Nông Thôn thành phố Biên Hòa						
1	Hương lộ 2	Hương lộ 2					
	Đoạn từ cầu Sắt (giáp ranh phường An Hòa) đến cầu Cây Ngã	Đoạn từ Cầu An Hòa đến cầu Cây Ngã	9.000	6.000	3.000	1.500	Chỉnh tên đoạn, giữ nguyên tên đường, giá đất hiện hành
II	Đường Nông Thôn huyện Long Thành						
1	Đường Cầu Mên (từ Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường)	Đường Cầu Mên (từ Đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây đến đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường)	4.000	2.000	1.500	1.300	Vẽ thêm tim đường cho đoạn mới, giá vẫn giữ nguyên theo đoạn cũ. Sửa tên đường từ " <i>Đường Cầu Mên (từ Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường)</i> " thành " <i>Đường Cầu Mên (từ Đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây đến đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường)</i> "
2		Đường Liên ấp Sa Cá - Bàu Tre (từ Tỉnh lộ 769 đến Hương lộ 10 xây dựng mới),	4.000	2.000	1.500	1.300	Bổ sung đường này vào Bảng giá đất do tuyến đường này đã được đầu tư xây dựng phục vụ nhu cầu giao thông của khu vực. Mức giá đất tương đương với Đường Cầu Mên tại các vị trí 1, 2, 3, 4 tương ứng là: 4.000.000 đồng/m ² ; 2.000.000 đồng/m ² ; 1.500.000 đồng/m ² và 1.300.000 đồng/m ²
III	Đường Nông Thôn thành phố Long Khánh						
1	Đường Xuân Tân - Hàng Gòn	Đường Xuân Tân - Hàng Gòn					

STT	Tên đường	Tên đường sửa	VT1	VT2	VT3	VT4	Ghi chú
	Đoạn từ Quốc lộ 56 đến giáp cầu Thầy Tư	Đoạn từ Quốc lộ 56 đến giáp ranh xã Hàng Gòn	1.400	700	580	400	Sửa từ "Đoạn từ Quốc lộ 56 đến giáp cầu Thầy Tư" thành "Đoạn từ Quốc lộ 56 đến giáp ranh xã Hàng Gòn"
	Đoạn từ cầu Thầy Tư đến giáp ranh xã Xuân Quế, huyện Cẩm Mỹ	Đoạn từ ranh xã Hàng Gòn đến giáp ranh xã Xuân Quế, huyện Cẩm Mỹ	1.200	600	580	400	Sửa từ "Đoạn từ cầu Thầy Tư đến giáp ranh xã Xuân Quế, huyện Cẩm Mỹ" thành "Đoạn từ ranh xã Hàng Gòn đến giáp ranh xã Xuân Quế, huyện Cẩm Mỹ"
IV	Đường Nông Thôn huyện Trảng Bom						
1	Đường ấp 2, từ đường Trảng Bom - An Viễn đến đường lô cao su xã An Viễn	Đường ấp 2, từ đường Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến đường lô cao su xã An Viễn	2.300	1.100	900	800	Sửa từ "Đường ấp 2, từ đường Trảng Bom - An Viễn đến đường lô cao su xã An Viễn" thành "Đường ấp 2, từ đường Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến đường lô cao su xã An Viễn"
2	Đường ấp 5 - ấp 6, từ đường ấp 4 - ấp 5 đến hết ranh thửa đất số 1128, tờ BĐĐC số 4 về bên phải và hết ranh thửa đất số 2153, tờ BĐĐC số 4 về bên trái, xã An Viễn	Đường ấp 5 - ấp 6, từ đường Mai Chí Thọ đến hết ranh thửa đất số 1128, tờ BĐĐC số 4 về bên phải và hết ranh thửa đất số 2153, tờ BĐĐC số 4 về bên trái, xã An Viễn	2.800	1.400	1.200	850	Sửa từ "Đường ấp 5 - ấp 6, từ đường ấp 4 - ấp 5 đến hết ranh thửa đất số 1128, tờ BĐĐC số 4 về bên phải và hết ranh thửa đất số 2153, tờ BĐĐC số 4 về bên trái, xã An Viễn" thành "Đường ấp 5 - ấp 6, từ đường Mai Chí Thọ đến hết ranh thửa đất số 1128, tờ BĐĐC số 4 về bên phải và hết ranh thửa đất số 2153, tờ BĐĐC số 4 về bên trái, xã An Viễn"
3	Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu	Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu					
	Đoạn từ ranh giới xã Bình Minh đến Công ty Sông Gianh	Đoạn từ ranh giới xã Bình Minh đến hết Công ty Sông Gianh	2.200	1.200	900	500	Điều chỉnh lại đoạn cho phù hợp với tình hình thực tế

STT	Tên đường	Tên đường sửa	VT1	VT2	VT3	VT4	Ghi chú
	Đoạn từ đầu Công ty Sông Gianh đến đường Trảng Bom - Thanh Bình	Đoạn từ Công ty Sông Gianh đến đường Trảng Bom - Thanh Bình	3.000	1.500	1.200	900	Điều chỉnh lại đoạn cho phù hợp với tình hình thực tế
V	Đường Nông Thôn huyện Tân Phú						
1	Đường Trương Công Định, từ đường Trương Công Định (thị trấn Tân Phú) đến hết ranh thửa đất số 450, tờ BĐĐC số 5 (xã Trà Cỏ)	Đường từ đường Trương Công Định (thị trấn Tân Phú) đến hết ranh thửa đất số 394, tờ BĐĐC số 7 (xã Trà Cỏ)					Sửa tên đường, thêm đoạn.
		Đoạn từ đường Trương Công Định (thị trấn Tân Phú) đến hết ranh thửa đất số 450, tờ BĐĐC số 5 (xã Trà Cỏ)	900	500	300	200	Sửa đoạn, mức giá điều chỉnh tại các vị trí 1 từ 750.000 đồng/m ² lên 900.000 đồng/m ² ; mức giá vị trí 2 từ 300.000 đồng/m ² lên 500.000 đồng/m ² ; mức giá tại vị trí 3 từ 250.000 đồng/m ² lên 300.000 đồng/m ² ; vị trí 4 giữ nguyên như hiện hành.
		Đoạn từ hết ranh thửa đất số 450, tờ BĐĐC số 5 đến hết ranh thửa đất số 394 tờ bản đồ số 7 (xã Trà Cỏ)	750	400	300	200	Bổ sung thêm đoạn, Bổ sung đoạn: Đoạn tiếp theo đến hết ranh thửa 394, tờ bản đồ địa chính số 7 (xã Trà Cỏ). Mức giá đất tại các vị trí 1, 2, 3, 4 tương ứng là 750.000 đồng/m ² ; 400.000 đồng/m ² ; 300.000 đồng/m ² và 200.000 đồng/m ² .
2	Đoạn giao từ đường Tà Lài đến ngã 3 đi bến đò Phú Tân (huyện Định Quán)	Đường từ đường Tà Lài đến ngã 3 đi bến đò Phú Tân (huyện Định Quán)	550	270	200	160	Sửa tên đường từ "Đoạn giao từ đường Tà Lài đến ngã 3 đi bến đò Phú Tân (huyện Định Quán)" thành "Đường từ đường Tà Lài đến ngã 3 đi bến đò Phú Tân (huyện Định Quán)", giữ nguyên mức giá quy định hiện hành.

STT	Tên đường	Tên đường sửa	VT1	VT2	VT3	VT4	Ghi chú
3	Đường chợ Phú Lộc đi bến đò (từ ngã ba Trường Tiểu học Phạm Văn Đồng đến ngã ba giáp ranh xã Phú Thịnh)	Đường từ ngã 3 đi bến đò Phú Tân đến ngã ba giáp ranh xã Phú Thịnh)	400	200	170	150	Sửa tên đường, sửa đoạn từ "Đường chợ Phú Lộc đi bến đò (từ ngã ba Trường Tiểu học Phạm Văn Đồng đến ngã ba giáp ranh xã Phú Thịnh)" thành "Đường từ ngã 3 đi bến đò Phú Tân đến ngã ba giáp ranh xã Phú Thịnh)"
4	Đường chợ Phú Lộc đi xã Phú Tân huyện Định Quán (từ ngã ba Trường Tiểu học Phạm Văn Đồng đến giáp ranh huyện Định Quán)	Đường chợ Phú Lộc đi xã Phú Tân huyện Định Quán (từ ngã 3 đi bến đò Phú Tân đến giáp ranh huyện Định Quán)	400	200	170	150	Sửa tên đường, sửa đoạn từ "Đường chợ Phú Lộc đi xã Phú Tân huyện Định Quán (từ ngã ba Trường Tiểu học Phạm Văn Đồng đến giáp ranh huyện Định Quán)" thành "Đường chợ Phú Lộc đi xã Phú Tân huyện Định Quán (từ ngã 3 đi bến đò Phú Tân đến giáp ranh huyện Định Quán)"
5	Đường Tà Lài	Đường Tà Lài					
	Đoạn từ ngã ba chùa Bửu Tân (xã Phú Thịnh) đến giáp ranh xã Phú Lập	Đoạn từ ngã ba chùa Bửu Tân (xã Phú Thịnh) đến Km12 (công văn hóa ấp 2)	500	250	200	160	Sửa điểm cuối đoạn từ "Đoạn từ ngã ba chùa Bửu Tân (xã Phú Thịnh) đến giáp ranh xã Phú Lập" thành "Đoạn từ ngã ba chùa Bửu Tân (xã Phú Thịnh) đến Km12 (công văn hóa ấp 2)", giữ nguyên mức giá quy định hiện hành.
	Đoạn từ đường Km12 (công văn hóa ấp 2) đến đường ấp 2 - 4 (sát ranh UBND xã Phú Lập)	Đoạn từ Km12 (công văn hóa ấp 2) đến đường ấp 2 - 4 (sát ranh UBND xã Phú Lập)	750	350	260	170	Giữ nguyên quy định hiện hành chỉ sửa đoạn trước để khớp với đoạn sau
6	Đường Phú Xuân - Núi Tượng	Đường Phú Xuân - Núi Tượng					

STT	Tên đường	Tên đường sửa	VT1	VT2	VT3	VT4	Ghi chú
		Đoạn từ ngã ba xã Phú Lộc đến hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 1 về bên phải, xã Phú Xuân và hết ranh thửa đất số 69, tờ BĐĐC số 12 về bên trái, xã Phú Thịnh	600	300	250	190	Thêm đoạn, giá đề xuất mới. Mức giá đất tại các vị trí 1, 2, 3, 4 tương ứng là: 600.000 đồng/m ² ; 300.000 đồng/m ² ; 250.000 đồng/m ² và 190.000 đồng/m ² .
	Đoạn từ ngã tư đi xã Phú Lộc đến giáp ranh xã Núi Tượng	Đoạn từ ngã tư đi xã Phú Lộc đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 3 về bên phải và hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 3 về bên trái, xã Phú Xuân	800	300	250	190	Sửa tên đoạn và điểm cuối: từ "Đoạn từ ngã tư đi xã Phú Lộc đến giáp ranh xã Núi Tượng" thành "Đoạn từ ngã tư đi xã Phú Lộc đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 3 về bên phải và hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 3 về bên trái, xã Phú Xuân" giữ nguyên mức giá quy định hiện hành
7	Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên	Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên					
	Đoạn từ đường ấp 2 - 3 (xã Phú Lập) đến giáp ranh xã Núi Tượng	Đoạn từ đường ấp 2 - 3 (xã Phú Lập) đến hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 3 về bên phải và hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 3 về bên trái, xã Phú Lập	500	250	200	160	Do sẽ điều chỉnh đơn vị hành chính sửa tên đoạn và điểm đầu: từ "Đoạn từ giáp ranh xã Phú Lập đến hết chợ Núi Tượng" thành "từ ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 3 về bên phải và ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 3 về bên trái, xã Phú Lập đến hết chợ Núi Tượng", giữ nguyên mức giá quy định hiện hành

STT	Tên đường	Tên đường sửa	VT1	VT2	VT3	VT4	Ghi chú
	Đoạn từ giáp ranh xã Phú Lập đến hết chợ Núi Tượng	Đoạn từ ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 3 về bên phải và ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 3 về bên trái, xã Phú Lập đến hết chợ Núi Tượng	700	350	250	160	Do sẽ điều chỉnh đơn vị hành chính sửa tên đoạn và điểm cuối: từ "Đoạn từ ngã tư đi xã Phú Lộc đến giáp ranh xã Núi Tượng" thành "Đoạn từ ngã tư đi xã Phú Lộc đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 3 về bên phải và hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 3 về bên trái, xã Phú Xuân", giữ nguyên mức giá quy định hiện hành
8	Quốc lộ 20	Quốc lộ 20					
	Đoạn từ đường Xóm Chiếu (xã Phú Bình) đến đường Bình Trung 1 (xã Phú Bình, xã Phú Trung)	Đoạn từ đường Xóm Chiếu (xã Phú Bình) đến đường Bình Trung 1	1.900	500	400	300	Do sẽ điều chỉnh đơn vị hành chính sửa tên đoạn và điểm cuối: từ "Đoạn từ đường Xóm Chiếu (xã Phú Bình) đến đường Bình Trung 1 (xã Phú Bình, xã Phú Trung)" thành "Đoạn từ đường Xóm Chiếu (xã Phú Bình) đến đường Bình Trung 1"
	Đoạn từ đường Bình Trung 1 (xã Phú Bình, xã Phú Trung) đến đường Phú Thạch 2 (xã Phú Trung)	Đoạn từ đường Bình Trung 1 đến đường Phú Thạch 2	1.700	800	500	300	Do sẽ điều chỉnh đơn vị hành chính sửa tên đoạn và điểm đầu, điểm cuối: từ "Đoạn từ đường Bình Trung 1 (xã Phú Bình, xã Phú Trung) đến đường Phú Thạch 2 (xã Phú Trung)" thành "Đoạn từ đường Bình Trung 1 đến đường Phú Thạch 2"
	Đoạn từ đường Phú Thạch 2 (xã Phú Trung) đến đường Phú Thắng 2 (xã Phú Trung)	Đoạn từ đường Phú Thạch 2 đến đường Phú Thắng 2	1.200	400	300	200	Do sẽ điều chỉnh đơn vị hành chính sửa tên đoạn và điểm đầu, điểm cuối: từ "Đoạn từ đường Phú Thạch 2 (xã Phú Trung) đến đường Phú Thắng 2 (xã Phú Trung)" thành "Đoạn từ đường Phú Thạch 2 đến đường Phú Thắng 2"

STT	Tên đường	Tên đường sửa	VT1	VT2	VT3	VT4	Ghi chú
	Đoạn từ đường Phú Thắng 2 (xã Phú Trung) đến đường số 8 (xã Phú Sơn)	Đoạn từ đường Phú Thắng 2 đến đường số 8 (xã Phú Sơn)	1.400	450	350	200	Do sẽ điều chỉnh đơn vị hành chính sửa tên đoạn và điểm đầu: từ "Đoạn từ đường Phú Thắng 2 (xã Phú Trung) đến đường số 8 (xã Phú Sơn)" thành "Đoạn từ đường Phú Thắng 2 đến đường số 8 (xã Phú Sơn)"
VI	Đường Nông Thôn huyện Thống Nhất						
1	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây					
	Đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc	Đoạn từ Đường tỉnh 769 qua đường Trung tâm ấp 9/4 đến hết thửa đất số 34 tờ bản đồ số 67 xã Hưng Lộc	2.600	1.300	800	550	Điều chỉnh mức giá tại vị trí 1 và vị trí 2 để phù hợp với giá đất tại tuyến đường Trung tâm ấp 9/4 như sau: Vị trí 1 điều chỉnh mức giá từ 2.100.000 đồng/m ² lên 2.600.000 đồng/m ² ; vị trí 2 điều chỉnh từ 1.000.000 đồng/m ² lên 1.300.000 đồng/m ² . Vị trí 3, 4 giữ nguyên mức giá quy định hiện hành.
	Đoạn từ Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc đến giáp ranh huyện Cẩm Mỹ	Đoạn từ ranh giới thị trấn Dầu Giây đến giáp ranh huyện Cẩm Mỹ	3.000	1.500	1.300	550	Sửa đoạn từ "Đoạn từ Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc đến giáp ranh huyện Cẩm Mỹ" thành "Đoạn từ ranh giới thị trấn Dầu Giây đến giáp ranh huyện Cẩm Mỹ". Giữ nguyên giá đất hiện hành
V	Đường Nông Thôn huyện Định Quán						
1	Đường 118 (xã Phú Vinh)	Đường 118 (xã Phú Vinh - xã Phú Tân)					Văn bản số 2283/UBND-NL ngày 29/7/2024 của UBND huyện Định Quán. Điều chỉnh tên đường thành "Đường 118 (xã Phú Vinh - xã Phú Tân)"

STT	Tên đường	Tên đường sửa	VT1	VT2	VT3	VT4	Ghi chú
2	Đường 2A, từ Trạm y tế xã Túc Trung đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 54 về bên trái (xã Túc Trung) và hết ranh thửa đất số 742, tờ BĐĐC số 55 về bên phải (xã Gia Canh)	Đường 2A, đoạn từ tiếp giáp Quốc lộ 20 (cây xăng Tiên Nghĩa) đến đầu nối với đường 4A(đoạn qua hết công an xã Túc Trung)					Văn bản số 2283/UBND-NL ngày 29/7/2024 của UBND huyện Định Quán. Điều chỉnh hướng tuyến và tên đoạn: - Đường 2A, đoạn từ tiếp giáp Quốc lộ 20 (cây xăng Tiên Nghĩa) đến đầu nối với đường 4A(đoạn qua hết công an xã Túc Trung).
3	Đường 4A, từ Quốc lộ 20 đến đoạn qua UBND xã Túc Trung giáp Quốc lộ 20	Đường 4A, đoạn tiếp giáp Quốc lộ 20 (cà phê Thu Hà) đến tiếp giáp Quốc lộ 20 (đoạn qua công an xã Túc Trung)					Văn bản số 2283/UBND-NL ngày 29/7/2024 của UBND huyện Định Quán. Điều chỉnh hướng tuyến và tên đoạn: - Đường 4A, đoạn tiếp giáp Quốc lộ 20 (cà phê Thu Hà) đến tiếp giáp Quốc lộ 20 (đoạn qua công an xã Túc Trung)
VI	Đường Nông Thôn huyện Vĩnh Cửu						
1	Đường Bến Phà, từ Đường tỉnh 768 đến bờ sông Đồng Nai	Đường Bến Phà, từ Đường tỉnh 768 đến bờ sông Đồng Nai	1.400	500	450	400	Điều chỉnh mức giá đất: Đường Bến Phà, từ Đường tỉnh 768 đến bờ sông Đồng Nai (có độ rộng khoảng 19 m) do mâu thuẫn giá đất với đường Hàng Ba Cửa thuộc đường nhánh của đường Bến Phà (có độ rộng khoảng 9-10 m) nhưng có giá đất quy định tại vị trí 1 là 1.300.000 đồng/m ² . Mức giá điều chỉnh tại các vị trí 1 từ 1.200.000 đồng/m ² lên 1.400.000 đồng/m ² ; mức giá vị trí 2, vị trí 3 và vị trí 4 giữ nguyên như hiện hành

STT	Tên đường	Tên đường sửa	VT1	VT2	VT3	VT4	Ghi chú
2	Đường Nhà máy đường Trị An (từ Đường tỉnh 768 đến hết Nhà máy đường Trị An)	Đường Nhà máy đường Trị An (từ Đường tỉnh 768 đến hết Nhà máy đường Trị An)	1.600	800	500	450	Điều chỉnh mức giá đất: Đường Nhà máy đường Trị An (từ Đường tỉnh 768 đến hết Nhà máy đường Trị An) (có độ rộng khoảng 25 m) do mâu thuẫn giá đất với đường Bến Be (có độ rộng khoảng 9 m). Mức giá điều chỉnh tại các vị trí 1 từ 1.250.000 đồng/m ² lên 1.600.000 đồng/m ² ; mức giá vị trí 2 từ 600.000 đồng/m ² lên 800.000 đồng/m ² ; vị trí 3 và vị trí 4 giữ nguyên như hiện hành
3	Đường trục chính vào khu dân cư Tín Khải (giữa xã Thạnh Phú - xã Tân Bình), từ Đường tỉnh 768 đến hết ranh khu dân cư Tín Khải	Đường trục chính vào khu dân cư Tín Khải (giữa xã Thạnh Phú - xã Tân Bình), từ Đường tỉnh 768 đến hết ranh khu dân cư Tín Khải	6.000	3.800	2.500	1.600	Điều chỉnh mức giá đất: Đường trục chính vào khu dân cư Tín Khải (giữa xã Thạnh Phú - xã Tân Bình), từ Đường tỉnh 768 đến hết ranh khu dân cư Tín Khải do mâu thuẫn giá đất với đường Cây Quéo. Mức giá điều chỉnh tại các vị trí 1 từ 5.000.000 đồng/m ² lên 6.000.000 đồng/m ² ; mức giá vị trí 2 từ 2.400.000 đồng/m ² lên 3.800.000 đồng/m ² ; vị trí 3 từ 2.000.000 đồng/m ² lên 2.400.000 đồng/m ² ; vị trí 4 giữ nguyên như hiện hành
4	Đường Xóm Mới ấp 3, từ đường Hiếu Liêm đến hết ranh dự án điểm dân cư số 6 (thửa đất số 181, tờ BĐĐC số 19, xã Hiếu Liêm)	Đường Xóm Mới ấp 3, từ đường Hiếu Liêm đến hết ranh dự án điểm dân cư số 6.	650	400	240	200	Do sẽ điều chỉnh đơn vị hành chính sửa "Đường Xóm Mới ấp 3, từ đường Hiếu Liêm đến hết ranh dự án điểm dân cư số 6 (thửa đất số 181, tờ BĐĐC số 19, xã Hiếu Liêm)" thành "Đường Xóm Mới ấp 3, từ đường Hiếu Liêm đến hết ranh dự án điểm dân cư số 6."
5	Đường Hiếu Liêm (xã Hiếu Liêm), từ đường Nhà máy thủy điện Trị An đến cầu số 4	Đường Hiếu Liêm, từ đường Nhà máy thủy điện Trị An đến cầu số 4	1.000	500	300	200	Do sẽ điều chỉnh đơn vị hành chính sửa "Đường Hiếu Liêm (xã Hiếu Liêm), từ đường Nhà máy thủy điện Trị An đến cầu số 4" thành "Đường Hiếu Liêm, từ đường Nhà máy thủy điện Trị An đến cầu số 4"

STT	Tên đường	Tên đường sửa	VT1	VT2	VT3	VT4	Ghi chú
6	Đường Bình Hòa - Cây Dương (xã Bình Hòa)	Đường Bình Hòa - Cây Dương					Do sẽ điều chỉnh đơn vị hành chính sửa " <i>Đường Bình Hòa - Cây Dương (xã Bình Hòa)</i> " thành " <i>Đường Bình Hòa - Cây Dương</i> " bỏ tên xã Bình Hòa
7	Đường Mỹ, từ Đường tỉnh 768 đến đường Bình Hòa - Cây Dương (xã Bình Hòa)	Đường Mỹ, từ Đường tỉnh 768 đến đường Bình Hòa - Cây Dương	3.500	2.000	1.300	1.000	Do sẽ điều chỉnh đơn vị hành chính sửa "Đường Mỹ, từ Đường tỉnh 768 đến đường Bình Hòa - Cây Dương (xã Bình Hòa)" thành "Đường Mỹ, từ Đường tỉnh 768 đến đường Bình Hòa - Cây Dương"

STT	Tên đường	Tên đường sửa	VT1	VT2	VT3	VT4	Ghi chú
VII	Đường Nông Thôn huyện Cẩm Mỹ						
1	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông					
	Đoạn từ đầu Trường Tiểu học Nguyễn Du xã Bảo Bình đến Đường tỉnh 765B	Đoạn từ đầu Trường Tiểu học Nguyễn Du xã Bảo Bình đến Đường tỉnh 765B (+300 m)	1.800	900	600	400	Sửa tên đoạn từ "Đoạn từ đầu Trường Tiểu học Nguyễn Du xã Bảo Bình đến Đường tỉnh 765B" thành "Đoạn từ đầu Trường Tiểu học Nguyễn Du xã Bảo Bình đến Đường tỉnh 765B (+300 m)"
2	Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây, từ Đường tỉnh 765B đến Đường tỉnh 765	Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây, từ đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Đường tỉnh 765	1.200	600	500	400	Sửa tên đường từ "Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây, từ Đường tỉnh 765B đến Đường tỉnh 765" thành "Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây, từ đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Đường tỉnh 765"
IX	Đường Nông Thôn huyện Nhơn Trạch						
1		Đường trục trung tâm Cù lao Đại Phước	12.000				Đường mới bổ sung thuộc Cù lao Đại Phước
2		Đường D1, D2, D3, D4, A9, A10	11.000				Đường mới bổ sung thuộc Cù lao Đại Phước
3		Các đường còn lại	9.000				Đường mới bổ sung thuộc Cù lao Đại Phước

Đối với đất thương mại, dịch vụ được điều chỉnh, bổ sung tương ứng bằng 70%; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp được điều chỉnh, bổ sung tương ứng bằng 60% giá đất ở cùng vị trí theo đoạn đường, tuyến đường.